

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/DS-PT
Ngày 04 – 4 – 2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 501/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1964/2020/DS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2023/QĐ-PT ngày 22/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vương Văn M, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp Cây Trâm, xã P, huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vương Mộng D, sinh năm 1982; Địa chỉ: 7Axxx/1 ấp 7, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Vương Văn C, sinh năm 1939;

Địa chỉ: 4xx T, Phường x, Quận y, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vương Văn V, sinh năm 1967; Địa chỉ: 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đặng Thị Ngọc A, sinh năm 1948;

3.2. Ông Vương Văn L, sinh năm 1959;

3.3. Bà Vương Thị N, sinh năm 1967;

3.4. Bà Vương Thị Lệ T, sinh năm 1968.

3.5. Ông Vương Sỹ H, sinh năm 1970;

3.6. Ông Vương Tuấn N1, sinh năm 1971;

3.7. Bà Vương Thị Cẩm H1, sinh năm 1972;

3.8. Ông Vương Hồng X, sinh năm 1975;

3.9. Ông Vương Thái H2, sinh năm 1979;

3.10. Bà Vương Thị Bích H3, sinh năm 1980;

3.11. Bà Vương Thị Lệ T1, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: 14/17x/1x P, Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Bà Điền Thị Kim L1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 13X A, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.13. Ông Điền Văn P, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 207/23 H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.14. Ông Điền Văn C1, sinh năm 1970;

3.15. Ông Điền Văn P1, sinh năm 1971;

3.16. Ông Điền Văn Đ, sinh năm 1973;

3.17. Ông Điền Văn T2, sinh năm 1974;

3.18. Bà Điền Kim T3, sinh năm 1976; (có mặt)

Cùng địa chỉ: 5x/3x/2B T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.19. Bà Điền Thị Kim L2, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 102xx S.Komensky Ave, # 1H, Oak Lawn, IL 604xx-42xx C, USA.

3.20. Bà Điền Thị Kim H4, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 11, số 1, 8 Khu phố D, D, thị trấn H, huyện Vân Lâm, Taiwan.

Người đại diện hợp pháp của bà Điền Thị Kim L1, ông Điền Văn P, ông Điền Văn C1, ông Điền Văn P1, ông Điền Văn Đ, ông Điền Văn T2, bà Điền Thị Kim L2, bà Điền Thị Kim H4: Bà Điền Kim T3, sinh năm 1976 là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

3.21. Ông Trần Văn T4, sinh năm 1931;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.22. Ông Vương Văn H5, sinh năm 1952;

Địa chỉ: 18 B Rd St-J Park 2176 NSW, Australia.

3.23. Bà Vương Thị H6, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.24. Ông Vương Đắc T5, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 166-70 D Ave. North York O M3N 2M5, Canada.

3.25. Bà Vương Thị Bích H7, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.26. Ông Vương Văn Q, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.27. Ông Vương Văn M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.28. Bà Vương Thị Phương L3, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.29. Bà Vương Thị Hồng N2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 11/72 Huges St Cabramatta NSW 2160, Australia.

3.30. Bà Vương Thị Thanh T6, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh

3.31. Ông Trần Minh T7, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.32. Bà Vương Thị Hoàng Y, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 233/18 Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.33. Bà Trần Thị Phương H8, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: 15G T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T4, ông Vương Văn H5, bà Vương Thị H6, ông Vương Đắc T5, bà Vương Thị Bích H7, ông Vương Văn Q, ông Vương Văn M1, bà Vương Thị Phương L3, bà Vương Thị Hồng N2, bà Vương Thị Thanh T6, ông Trần Minh T7, bà Vương Thị Hoàng Y: Bà Trần Thị Phương H8, sinh năm 1976 là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

3.34. Ông Vương Văn H9, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Hoàng: Ông Vương Hoàng V1 là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

3.35. Bà Vương Thị L4, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 3839 K Dr. S J C95111 USA.

3.36. Bà Vương Thị Ngọc Đ1; Không rõ địa chỉ.

3.37. Ông Vương Văn H10; Không rõ địa chỉ.

3.38. Ông Vương Văn H11, sinh năm 1965;

3.39. Ông Vương Văn P1, sinh năm 1970;

3.40. Ông Vương Văn T8, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: 2376 St C, T, O, M6N 1K4, Canada.

Người đại diện hợp pháp của ông Vương Văn H11, ông Vương Văn P1, ông Vương Văn T8: Bà Vương Thị L4, sinh năm 1963 là người đại diện theo ủy quyền.

3.41. Ông Vương Văn M2 (Vương Văn M2), sinh năm 1956;

Địa chỉ: 259 C Street, V, British C, Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1: Ông Vương Văn M.

3.42. Bà Vương Ngọc H12, sinh năm 1958;

3.43. Bà Vương Thị Ngọc Đ2, sinh năm 1959;

3.44. Bà Vương Thị Ngọc T9, sinh năm 1961;

3.45. Bà Vương Thị Ngọc D1, sinh năm 1963;

3.46. Bà Phan Ngọc V2, sinh năm 1965;

3.47. Ông Vương Tấn T10, sinh năm 1969;

3.48. Ông Vương Minh T11, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: 13x/x/x/x L, Phường x, Quận x, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Vương Ngọc H12, bà Vương Thị Ngọc Đ2, bà Vương Thị Ngọc D1, bà Phan Ngọc V2, ông Vương Tấn T10, ông Vương Minh T11: Bà Vương Thị Ngọc T9, sinh năm 1961 là người đại diện theo ủy quyền.

3.49. Ông Ngô Tô T12, sinh năm 1949;

Địa chỉ: 213 R, B, O, L6Z 4P6, Canada

3.50. Ông Ngô Hữu B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: 2178 St C W, T, O, M6N 5C1, Canada.

3.51. Bà Huỳnh Tô N3 (Tất Tố N3), sinh năm 1955;

Địa chỉ: 121 C, C, T, O L4K 1M6, Canada.

3.52. Ông Huỳnh Hữu L5, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 10 Grove Avenue, Toronto, Ontario M6N 1K4, Canada.

3.53. Ông Ngô Hữu T13, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 2178 St C, T, O, M6N 5C1, Canada.

3.54. Bà Huỳnh Mỹ L6, sinh năm 1957; (có mặt)

3.55. Ông Ngô Hữu T14, sinh năm 1968; (có mặt)

Cùng địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Tô T12, ông Ngô Hữu B, bà Huỳnh Tô N3, ông Huỳnh Hữu L5, ông Ngô Hữu T13: Bà Huỳnh Mỹ L6, sinh năm 1957 và ông Ngô Hữu T14, sinh năm 1968 là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

3.56. Bà Huỳnh Thị Yến N4, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 3X Đ, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Yến N4: Ông Vương Văn H9, sinh năm 1957 là người đại diện theo ủy quyền.

3.57. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1940;

3.58. Bà Vương Thị Thanh P2, sinh năm 1964;

3.59. Ông Vương Văn V, sinh năm 1967; (có mặt)

3.60. Bà Vương Thị Thu H13, sinh năm 1969;

3.61. Bà Vương Thị Thanh T15, sinh năm 1971;

3.62. Bà Vương Thị Hồng M3, sinh năm 1986;

3.63. Bà Vương Thị Hồng L7, sinh năm 1992;

3.64. Bà Vương Thị Hồng Đ3, sinh năm 1994;

3.65. Bà Vương Thị Thanh Đ4, sinh năm 1989;

3.66. Bà Lê Thị N5, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị B1, bà Vương Thị Thanh P2, bà Vương Thị Thu H13, bà Vương Thị Thanh T15, bà Vương Thị Hồng M3, bà Vương Thị Hồng L7, bà Vương Thị Hồng Đ3, bà Vương Thị Thanh Đ4, bà Lê Thị N5: Ông Vương Văn V, sinh năm 1967 là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

3.67. Ông Vương Văn B2, sinh năm 1968; (có mặt)

3.68. Anh Vương Tấn L8, sinh năm 2000;

3.69. Chị Cao Bá Thanh L9, sinh năm 1997;

3.70. Chị Cao Bá Thùy L10, sinh năm 2000;

3.71. Anh Huỳnh Kim H14, sinh năm 1997;

3.72. Trẻ Huỳnh Thị Kim P3, sinh năm 2004;

Người đại diện theo pháp luật của trẻ P3: Bà Vương Thị Thanh T15, sinh năm 1971.

3.73. Anh Vương Minh K, sinh năm 1995;

3.74. Bà Trần Thị Minh H15, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Vương Văn M do bà Vương Mộng D làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Vương Văn M là con của ông Vương Văn N6 (chết năm 1968) và bà Võ Thị Q1 (chết năm 1985).

- Ông Vương Văn N6 và bà Võ Thị Q1 có 3 người con chung gồm:

Ông Vương Văn Tý (chết năm 1996, không C vợ con);

Ông Vương Văn M1 (Vương Văn M1);

Ông Vương Văn M.

- Trước khi chung sống với bà Võ Thị Q1, ông Vương Văn N6 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ5 (chết năm 1989) có 8 người con chung gồm:

Bà Vương Thị N6 (chết năm 2003), có chồng là ông Ngô T16 (chết năm 1970) và các con: Ngô Tô T12, Ngô Hữu B, Huỳnh Tố Nữ, Huỳnh Mỹ L6, Huỳnh Hữu L5, Ngô Hữu T13, Ngô Hữu T14.

Ông Vương Văn M4 (chết năm 1986), có vợ là bà Phan Thị N7 (chết năm 2005) và các con: Vương Ngọc H12, Vương Thị Ngọc Đ2, Vương Thị Ngọc T9, Vương Thị Ngọc D1, Phan Ngọc V2, Vương Tấn T10, Vương Minh T11.

Bà Vương Thị K1 (chết năm 2020, không C chồng, con).

Bà Vương Thị T17 (chết năm 2013), có chồng là ông Trần Văn T4 và các con: Vương Văn H5, Vương Văn H9, Vương Thị H6, Vương Đắc T5, Vương Thị Bích H7, Vương Văn Q, Vương Văn M, Vương Thị Phương L3, Vương Thị Hồng N2, Vương Thị Thanh T6, Vương Thị Hoàng Y, Trần Thị Phương H8, Trần Minh T7.

Ông Vương Văn C.

Ông Vương Văn G (chết năm 2009), có vợ là bà Đặng Thị Ngọc A và các con: Vương Văn L, Vương Văn L11 (chết, không C vợ con), Vương Thị N, Vương Hoàng T18 (chết không C vợ con), Vương Thị Lệ T, Vương Thị Lệ T1, Vương Sỹ H, Vương Tuấn N1, Vương Hồng X, Vương Thị Cẩm H1, Vương Thái H2, Vương Thị Bích H3.

Ông Vương Văn B3 (chết năm 2020), có vợ là bà Lê Thị Tỵ chết và các con: Vương Thị L4, Vương Thị Ngọc Đ1, Vương Văn H10, Vương Văn H11, Vương Văn P1, Vương Văn T8.

Bà Vương Thị Lắm (chết năm 2020), có chồng là ông Điền Văn Đức (chết năm 2015) và các con: Điền Thị Kim L1, Điền Văn P, Điền Văn C1, Điền Văn P1, Điền Văn Đ, Điền Văn T2, Điền Kim T3, Điền Thị Kim L2, Điền Thị Kim H4.

Ngoài những người kể trên, cha ông M không còn vợ hoặc người con riêng nào khác.

Lúc còn sống cha ông M tạo lập được tài sản là nhà, đất tại địa chỉ số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh, khi chết, cha ông M không để lại di chúc. Nhà hiện do ông Vương Văn C đang quản lý sử dụng.

Nay ông Vương Văn M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cha Vương Văn N6 chết để lại là % giá trị quyền sử dụng đất nêu trên. Ông M yêu cầu được nhận 2 phần trong khối di sản (phần của ông và phần của ông Vương Văn M1 đã cho ông). Yêu cầu được nhận giá trị phần thừa kế do ông C thanh toán trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu chia giá trị xây dựng.

Đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất do Hội đồng định giá xác định là 15.019.500.000 đồng, không yêu cầu định giá lại.

Về công sức đóng góp và chi phí mai táng, ông M không yêu cầu.

Bị đơn ông Vương Văn C do ông Vương Văn V làm đại diện trình bày:

Ông Vương Văn C xác nhận về cha mẹ, hàng thừa kế và di sản thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Riêng đối với ông Vương Văn M, ông C không thừa nhận ông M là con của ông Vương Văn N6 nên không đồng ý chia thừa kế cho ông M. Nếu ông M chứng minh được ông là con của ông Nhiều thì ông C đồng ý chia thừa kế cho ông M.

Sau khi cha mẹ chết, ông Vương Văn G, ông Vương Văn Tý, bà Vương Thị Lắm, bà Vương Thị T17, bà Vương Thị K1 và bà Vương Thị N6 có văn bản khước từ di sản và đồng ý nhường phần thừa kế cho ông C theo Văn bản khước từ ngày 12/02/1992. Do đó phần thừa kế của những người nêu trên sẽ do ông C hưởng. Sau khi ký giấy nhường quyền thừa kế, ông C đã mua nhà cho ông Vương Văn G nên nay ông C sẽ hỗ trợ thêm 50.000.000 đồng cho vợ con ông Giỏi (ông Giỏi đã chết) trong thời hạn 06 tháng. Đối với những người khước từ khác gồm bà Vương Thị T17, và Vương Thị Lắm, bà Vương Thị N6, ông C tự nguyện hỗ trợ 200.000.000 đồng cho mỗi người trong thời hạn 06 tháng.

Đối với việc khai thiếu tên ông Vương Văn M4 và ông Vương Văn M1 (Vương Văn M1) khi làm hồ sơ xin cấp giấy phép sở hữu nhà, ông C đồng ý hoàn trả lại phần thừa kế cho ông Muôn và ông Một trong thời hạn 06 tháng.

Hiện nay gia đình Vương Văn C đang sinh sống tại căn nhà thừa kế nên ông C có nguyện vọng giữ lại căn nhà không chia, sau khi ông chết mới chia. Do đó, ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Vương Văn M và yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Vương Văn H9.

Về giá trị di sản, ông C đề nghị tính theo giá trị định giá cũ là 10.000.000.000 đồng và không yêu cầu định giá lại.

Về công sức đóng góp và chi phí mai táng, ông C không yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Văn H9 trình bày:

Ông Hoàng là con của bà Vương Thị T17 và là cháu gọi ông Vương Văn B3 bằng cậu. Năm 1984, vợ chồng ông Vương Văn H9, bà Huỳnh Thị Yến N4 mua một phần nhà của vợ chồng ông Ba tại số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc một phần của căn nhà đang tranh chấp. Nay căn nhà này được chia thừa kế, ông yêu cầu được nhận phần của ông Ba vì vợ chồng ông Ba đã bán phần nhà thừa kế cho ông. Ông đồng ý nhận giá trị thừa kế do ông C thanh toán trong thời hạn 03 tháng và tự nguyện giao nhà cho ông C sau khi nhận đủ tiền.

Đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất là 15.019.500.000 đồng, không yêu cầu Tòa án định giá lại.

Yêu cầu được chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Yến N4 do ông Vương Văn H9 làm đại diện trình bày:

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Vương Văn H9.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Văn M1 (Vương Văn M1) do ông Vương Văn M làm đại diện trình bày:

Ông Vương Văn M1 thông nhất với lời trình bày của ông M, đồng thời, ông Mót đồng ý cho ông M phần thừa kế của ông Mót.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hữu T14, ông Ngô Tô T12, ông Ngô Hữu B, bà Huỳnh Tố Nữ, bà Huỳnh Mỹ L6, ông Huỳnh Hữu L5, ông Ngô Hữu T13 do ông Ngô Hữu T14 và bà Huỳnh Mỹ L6 làm đại diện trình bày:

Mẹ của các ông, bà là bà Vương Thị N6 (chết năm 2003) là con của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt.

Bà Vương Thị N6 có chồng là ông Ngô T16 (chết năm 1970) và các con gồm có: Ông Ngô Hữu T14, ông Ngô Tô T12, ông Ngô Hữu B, bà Huỳnh Tố Nữ, bà Huỳnh Mỹ L6, ông Huỳnh Hữu L5, ông Ngô Hữu T13.

Ngày 12/02/1992, mẹ của các ông, bà có làm văn bản gửi Phòng Xây dựng Quận 8 và Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 8 với nội dung xin khước từ nhận di sản của ông Nhiều, bà Đẹt và nhường phần thừa kế của mình cho ông Vương Văn C. Tuy nhiên, sau đó mẹ của các ông, bà đã có đơn xin hủy việc khước từ này vì cho rằng ông C đã lừa dối, nói ký văn bản để làm chứng việc mua nhà cho ông Vương Văn G.

Do mẹ đã chết nên các ông, bà yêu cầu được nhận phần thừa kế mà mẹ được hưởng từ ông bà ngoại, yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng. Yêu cầu ông C thanh toán giá trị thừa kế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất là 15.019.500.000 đồng, không yêu cầu Tòa án định giá lại.

Yêu cầu được chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T4, ông Vương Văn H5, bà Vương Thị H6, ông Vương Đắc T5, bà Vương Thị Bích H7, ông Vương Văn Q, ông Vương Văn M, bà Vương Thị Phương L3, bà Vương Thị Hồng N2, bà Vương Thị Thanh T6, bà Vương Thị Hoàng Y, bà Trần Thị Phương H8, ông Trần Minh T7 do bà Trần Thị Phương H8 làm đại diện trình bày:

Mẹ của các ông, bà là bà Vương Thị T17 (chết năm 2013) là con của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt.

Bà Vương Thị T17 có chồng là ông Trần Văn T4 và các con gồm: Ông Vương Văn H5, ông Vương Văn H9, bà Vương Thị H6, ông Vương Đắc T5, bà Vương Thị Bích H7, ông Vương Văn Q, ông Vương Văn M, bà Vương Thị Phương L3, bà Vương Thị Hồng N2, bà Vương Thị Thanh T6, bà Vương Thị Hoàng Y, bà Trần Thị Phương H8, ông Trần Minh T7.

Ngày 12/02/1992, mẹ của các ông, bà có làm văn bản gửi Phòng Xây dựng Quận 8 và Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8 với nội dung xin khước từ nhận di sản của ông Nhiều, bà Đẹt và nhường phần thừa kế của mình cho ông Vương Văn C. Tuy nhiên, sau đó mẹ của các ông, bà đã có đơn xin hủy việc khước từ này vì cho rằng ông C đã lừa dối, nói ký văn bản để làm chứng việc mua nhà cho ông Vương Văn G.

Do mẹ đã chết nên các ông, bà yêu cầu được nhận phần thừa kế mà mẹ được hưởng từ ông bà ngoại, yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng. Yêu cầu ông C thanh toán giá trị thừa kế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất là 15.019.500.000 đồng, không yêu cầu Tòa án định giá lại.

Yêu cầu được chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Điền Thị Kim L1, ông Điền Văn P, ông Điền Văn C1, ông Điền Văn P1, ông Điền Văn Đ, ông Điền Văn T2, bà Điền Kim T3, bà Điền Thị Kim L2, bà Điền Thị Kim H4 do bà Điền Kim T3 làm đại diện trình bày:

Mẹ của các ông, bà là bà Vương Thị Lắm (chết năm 2020) là con của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt.

Bà Vương Thị Lắm có chồng là ông Điền Văn Đức (chết năm 2015) và các con gồm: Bà Điền Thị Kim L1, ông Điền Văn P, ông Điền Văn C1, ông Điền Văn P1, ông Điền Văn Đ, ông Điền Văn T2, bà Điền Kim T3, bà Điền Thị Kim L2, bà Điền Thị Kim H4,

Ngày 12/02/1992, mẹ của các ông, bà có làm văn bản gửi Phòng Xây dựng Quận 8 và Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8 với nội dung xin khước từ nhận di sản của ông Nhiều, bà Đẹt và nhường phần thừa kế của mình cho ông Vương Văn C. Tuy nhiên, sau đó mẹ của các ông, bà đã có đơn xin hủy việc khước từ này vì cho rằng ông C đã lừa dối, nói ký văn bản để làm chứng việc mua nhà cho ông Vương Văn G.

Do mẹ đã chết nên các ông, bà yêu cầu được nhận phần thừa kế mà mẹ được hưởng từ ông bà ngoại, yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng. Yêu cầu ông C thanh toán giá trị thừa kế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất là 15.019.500.000 đồng, không yêu cầu Tòa án định giá lại.

Yêu cầu được chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Ngọc A, ông Vương Văn L, bà Vương Thị N, bà Vương Thị Lệ T, bà Vương Thị Lệ T1, ông Vương Sỹ H, ông Vương Tuấn N1, ông Vương Hồng X, bà Vương Thị Cẩm H1, ông Vương Thái H2, bà Vương Thị Bích H3 do bà Đặng Thị Ngọc A làm đại diện trình bày:

Cha của các ông, bà là ông Vương Văn G (chết năm 2009) là con của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt.

Ông Giỏi có vợ là bà Đặng Thị Ngọc A và các con gồm: Ông Vương Văn L, ông Vương Văn L11 (chết, không C vợ con), bà Vương Thị N, ông Vương Hoàng T18 (chết năm 2004, không C vợ con), bà Vương Thị Lệ T, bà Vương Thị Lệ T1, ông Vương Sỹ H, ông Vương Tuấn N1, ông Vương Hồng X, bà Vương Thị Cẩm H1, ông Vương Thái H2, bà Vương Thị Bích H3.

Ngày 12/02/1992, ông Giỏi làm văn bản khước từ nhận phần thừa kế và nhường phần thừa kế cho ông Vương Văn C để lấy căn nhà 52 Tùng Thiện Vương do ông C mua cho. Hiện nay những người thừa kế của ông Giỏi không tranh chấp thừa kế và đồng ý nhận số tiền 50.000.000 đồng do ông Vương Văn C hỗ trợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Ngọc H12, là Vương Thị Ngọc Đ2, bà Vương Thị Ngọc T9, bà Vương Thị Ngọc D1, bà Phan Ngọc V2, ông Vương Tân Thành, ông Vương Minh T11 do bà Vương Thị Ngọc T9 làm đại diện trình bày:

Cha của các ông, bà là ông Vương Văn M4 (chết năm 1986) là con của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt.

Ông Muôn có vợ là bà Phan Thị N7 (chết năm 2005) và các con gồm: Bà Vương Ngọc H12, bà Vương Thị Ngọc Đ2, bà Vương Thị Ngọc T9, bà Vương Thị Ngọc D1, bà Phan Ngọc V2, ông Vương Tấn T10, ông Vương Minh T11.

Do cha đã chết nên các ông, bà yêu cầu được nhận phần thừa kế mà cha được hưởng từ ông bà nội, yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng. Yêu cầu ông C thanh toán giá trị thừa kế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất là 15.019.500.000 đồng, không yêu cầu Tòa án định giá lại.

Yêu cầu được chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia giá trị xây dựng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị L4, ông Vương Văn H11, ông Vương Văn P1, ông Vương Văn T8 do bà Vương Thị L4 làm đại diện trình bày:

Trước đây cha mẹ bà có bán một phần nhà thừa kế (là một phần căn nhà đang tranh chấp) cho vợ chồng người cháu là ông Vương Văn H9 và bà Huỳnh Thị Yến N4. Hiện nay phía ông Ba đồng ý giao phần thừa kế được hưởng trong căn nhà trên cho vợ chồng ông Hoàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B1, bà Vương Thị Thanh P2, ông Vương Văn V, bà Vương Thị Thu H13, bà Vương Thị Thanh T15, bà Vương Thị Hồng M3, bà Vương Thị Hồng L7, bà Vương Thị Hồng Đ3, bà Vương Thị Thanh Đ4, bà Lê Thị N5 do ông Vương Văn V làm đại diện trình bày:

Các ông, bà là vợ, con, cháu của ông Vương Văn C hiện đang sinh sống tại căn nhà đang tranh chấp, tất cả cùng thống nhất lời trình bày của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Văn B2 trình bày:

Ông là con của ông Vương Văn C hiện đang sinh sống tại nhà đang tranh chấp, thống nhất lời trình bày của ông Vương Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Tấn L8, bà Cao Bá Thanh L9, bà Cao Bá Thùy L10, ông Huỳnh Kim H14, trẻ Huỳnh Thị Kim P3 do bà Vương Thị Thanh T15 làm đại diện, ông Vương Minh K, bà Trần Thị Minh H15: là những người đang sinh sống tại căn nhà tranh chấp có lời trình bày xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1964/2020/DS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 37, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254, Điều 623, Điều 635, Điều 636, Điều 651, Điều 659, Điều 660 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị định số 70-CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Văn M về việc chia thừa kế của ông Vương Văn N6.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Vương Văn H9 và bà Huỳnh Thị Yến N4 về việc yêu cầu được nhận phần thừa kế mà ông Vương Văn B3 được hưởng của ông Vương Văn N6, bà Nguyễn Thị Đẹt.

3. Xác định di sản của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt là giá trị quyền sử dụng đất tại số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 15.019.500.000 đồng.

4. Phân chia di sản của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt như sau:

- Ông Vương Văn M, ông Vương Văn M1 mỗi người được nhận 625.812.500 đồng tương đương 4,17%. Ghi nhận ông Mót cho ông M phần thừa kế của ông. Như vậy, ông Vương Văn M được nhận tổng cộng là 1.251.625.000 đồng tương đương 8,34% giá trị di sản.

- Ông Vương Văn C được nhận 10.482.359.375 đồng tương đương 69,78% giá trị di sản.

- Ông Vương Văn M4 có các thừa kế là bà Vương Thị Ngọc T9, bà Vương Ngọc H12, bà Vương Thị Ngọc Đ2, bà Vương Thị Ngọc D1, bà Phan Ngọc V2, ông Vương Tấn T10, ông Vương Minh T11 được nhận 1.642.757.812 đồng tương đương 10,94% giá trị di sản.

- Ông Vương Văn B3 được nhận 1.642.757.812 đồng tương đương 10,94% giá trị di sản. Phần thừa kế của ông Ba sẽ do ông Vương Văn H9 và bà Huỳnh Thị Yến N4 nhận.

Ông Vương Văn C được nhận căn nhà số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh và chịu trách nhiệm thanh toán giá trị thừa kế.

Ghi nhận các đồng thừa kế và ông Vương Văn H9, bà Huỳnh Thị Yến N4 đồng ý cho ông Vương Văn C thanh toán giá trị thừa kế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi nhận đủ tiền, ông Vương Văn H9 và bà Huỳnh Thị Yến N4 có trách nhiệm giao phần nhà đang sử dụng cho ông C sở hữu. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông Vương Văn C không thanh toán tiền thì các đồng thừa kế được quyền yêu cầu đấu giá căn nhà số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thừa kế. Sau khi trừ đi giá trị nhà (giao cho ông Vương Văn C được nhận), chi phí đấu giá và các chi phí khác có liên quan đến việc đấu giá, số tiền thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỉ lệ nêu trên.

Ghi nhận ông Vương Văn C đồng ý hỗ trợ cho bà Vương Thị N6, bà Vương Thị Lắm, bà Vương Thị T17 mỗi người 200.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền này sẽ do những người thừa kế của các bà nêu trên nhận.

Ghi nhận ông Vương Văn C đồng ý hỗ trợ cho ông Vương Văn G 50.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền này sẽ do những người thừa kế của ông Vương Văn G nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3 kháng cáo với lý do bản án sơ thẩm xét xử không thỏa

đáng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bà. Đề nghị được hưởng phần thừa kế của mẹ của các ông, bà là bà Vương Thị Lắm (chết năm 2020) và bà Vương Thị T17 (chết năm 2013) là con của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Ngô Hữu T14 và bà Huỳnh Mỹ L6 trình bày: Ông, bà cũng không đồng ý với bản án sơ thẩm, có nhờ bà Điền Kim T3 kháng cáo nhưng không được làm, nay yêu cầu Tòa án xét xử cho được nhận phần thừa kế của mẹ ông để lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến cho rằng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định. Các đương sự kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 12 năm 2020 bà Điền Kim T3, ngày 08 tháng 12 năm 2020 bà Trần Thị Phương H8 làm Đơn kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Hữu T14 và bà Huỳnh Mỹ L6 cho rằng không đồng ý với bản án sơ thẩm và có nhờ bà Điền Kim T3 làm đơn kháng cáo. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà Tài thì không C thực hiện và qua kiểm tra hồ sơ không C đơn kháng cáo của ông Tâm, bà Lệ. Ông Tâm, bà Lệ không làm đơn kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên không C căn cứ để xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3.2] Các đương sự thống nhất về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế và hàng thừa kế của cụ Vương Văn N6 gồm: Vợ Nguyễn Thị Đẹt và 11 người con gồm:

- Bà Vương Thị N6 (chết năm 2003 có con là ông Ngô Tô T12, ông Ngô Hữu B, bà Huỳnh Tô N3, ông Huỳnh Hữu L5, ông Ngô Hữu T13, bà Huỳnh Mỹ L6, ông Ngô Hữu T14).

- Ông Vương Văn M4 (chết năm 1986 có con là bà Vương Thị Ngọc T9, bà Vương Ngọc H12, bà Vương Thị Ngọc Đ2, bà Vương Thị Ngọc D1, bà Phan Ngọc V2, ông Vương Tấn T10, ông Vương Minh T11).

- Bà Vương Thị K1 (chết năm 2020 không C chồng con).

- Bà Vương Thị T17 (chết năm 2013 có chồng là ông Trần Văn T4 và các con gồm ông Vương Văn H5; ông Vương Văn H9; bà Vương Thị H6, ông Vương Đắc T5, bà Vương Thị Bích H7, ông Vương Văn Q, ông Vương Văn M, bà Vương Thị Phương L3, bà Vương Thị Hồng N2, bà Vương Thị Thanh T6, bà Vương Thị Hoàng Y, bà Trần Thị Phương H8, ông Trần Minh T7).

- Ông Vương Văn C.

- Ông Vương Văn G (chết năm 2009 có vợ là bà Đặng Thị Ngọc A và các con gồm ông Vương Văn L, bà Vương Thị N, bà Vương Thị Lệ T, bà Vương Thị Lệ T1, ông Vương Sỹ H, ông Vương Tuấn N1, bà Vương Thị Cẩm H1, ông Vương Hồng X, ông Vương Thái H2, bà Vương Thị Bích H3).

- Ông Vương Văn B3 (chết năm 2020, chưa thu thập được giấy khai tử), có con là bà Vương Thị L4, bà Vương Thị Ngọc Đ1, ông Vương Văn H10, ông Vương Văn H11, ông Vương Văn P1, ông Vương Văn T8).

- Bà Vương Thị Lắm (chết năm 2020, có con là bà Điền Thị Kim L1, ông Điền Văn P, ông Điền Văn C1, ông Điền Văn P1, ông Điền Văn Đ, ông Điền Văn T2, bà Điền Kim T3, bà Điền Thị Kim L2, bà Điền Thị Kim H4).

- Ông Vương Văn M1.

- Ông Vương Văn M.

Ông Vương Văn Tý (chết năm 1996, không C vợ con).

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Đẹt gồm:

- Bà Vương Thị N6.

- Ông Vương Văn M4.

- Bà Vương Thị K1.

- Bà Vương Thị T17.

- Ông Vương Văn C.

- Ông Vương Văn G.

- Ông Vương Văn B3.

- Bà Vương Thị Lắm.

[3.3] Về vấn đề chia di sản thừa kế là căn nhà 425 Tùng Thiệu Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 12/02/1992, bà Vương Thị N6, bà Vương Thị T17, bà Vương Thị K1, bà Vương Thị Lắm, ông Vương Văn G, ông Vương Văn Tý có văn bản khước từ quyền thừa kế của mình, nhường phần thừa kế cho ông Vương Văn C được trọn quyền sở hữu. Văn bản khước từ ngày 12/02/1992 được gửi đến Ủy ban nhân phường nơi các ông, bà sinh sống đều thể hiện nội dung nhường quyền thừa kế tài sản do cha mẹ chết để lại là căn nhà số 42 Tùng Thiệu Vương, Phường 12, Quận 8 cho ông Vương Văn C, cam kết không tranh chấp. Từ đó, ông C mới được đăng ký, đến ngày 02/8/2002 các ông, bà trên mới có đơn xin hủy bỏ khước từ.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Vương Thị N6, bà Vương Thị T17, bà Vương Thị Lắm đề nghị hủy văn bản khước từ vì họ cho rằng bị ông C lừa dối. Tuy nhiên, các ông, bà nêu trên không chứng minh được việc này nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Vương Thị N6, bà Vương Thị T17, bà Vương Thị Lắm đề nghị hủy văn bản khước từ là có căn cứ đúng pháp luật.

[3.4] Từ phân tích ở mục [3.3] thấy rằng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3 kháng cáo đề nghị được hưởng phần thừa kế của mẹ của các ông, bà là bà Vương Thị Lắm (chết năm 2020) và bà Vương Thị T17 (chết năm 2013) là con của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt để lại là không C căn cứ để chấp nhận.

[4] Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3 kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không C cơ sở chấp nhận. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3, nên bà Hồng, bà Tài phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm, không C kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1964/2020/DS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 37, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254, Điều 623, Điều 635, Điều 636, Điều 651, Điều 659, Điều 660 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị định số 70-CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Văn M về việc chia thừa kế của ông Vương Văn N6.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Vương Văn H9 và bà Huỳnh Thị Yến N4 về việc yêu cầu được nhận phần thừa kế mà ông Vương Văn B3 được hưởng của ông Vương Văn N6, bà Nguyễn Thị Đẹt.

3. Xác định di sản của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt là giá trị quyền sử dụng đất tại số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 15.019.500.000 đồng.

4. Phân chia di sản của ông Vương Văn N6 và bà Nguyễn Thị Đẹt như sau:

- Ông Vương Văn M, ông Vương Văn M1 mỗi người được nhận 625.812.500 đồng tương đương 4,17%. Ghi nhận ông Mót cho ông M phần thừa kế của ông. Như vậy, ông Vương Văn M được nhận tổng cộng là 1.251.625.000 đồng tương đương 8,34% giá trị di sản.

- Ông Vương Văn C được nhận 10.482.359.375 đồng tương đương 69,78% giá trị di sản.

- Ông Vương Văn M4 có các thừa kế là bà Vương Thị Ngọc T9, bà Vương Ngọc H12, bà Vương Thị Ngọc Đ2, bà Vương Thị Ngọc D1, bà Phan Ngọc V2, ông Vương Tấn T10, ông Vương Minh T11 được nhận 1.642.757.812 đồng tương đương 10,94% giá trị di sản.

- Ông Vương Văn B3 được nhận 1.642.757.812 đồng tương đương 10,94% giá trị di sản. Phần thừa kế của ông Ba sẽ do ông Vương Văn H9 và bà Huỳnh Thị Yến N4 nhận.

Ông Vương Văn C được nhận căn nhà số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh và chịu trách nhiệm thanh toán giá trị thừa kế.

Ghi nhận các đồng thừa kế và ông Vương Văn H9, bà Huỳnh Thị Yến N4 đồng ý cho ông Vương Văn C thanh toán giá trị thừa kế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi nhận đủ tiền, ông Vương Văn H9 và bà Huỳnh Thị Yến N4 có trách nhiệm giao phần nhà đang sử dụng cho ông C sở hữu. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông Vương Văn C không thanh toán tiền thì các đồng thừa kế được quyền yêu cầu đấu giá căn nhà số 4xx T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thừa kế. Sau khi trừ đi giá trị nhà (giao cho ông Vương Văn C được

nhận), chi phí đấu giá và các chi phí khác có liên quan đến việc đấu giá, số tiền thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỉ lệ nêu trên.

Ghi nhận ông Vương Văn C đồng ý hỗ trợ cho bà Vương Thị N6, bà Vương Thị Lắm, bà Vương Thị T17 mỗi người 200.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền này sẽ do những người thừa kế của các bà nêu trên nhận.

Ghi nhận ông Vương Văn C đồng ý hỗ trợ cho ông Vương Văn G 50.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền này sẽ do những người thừa kế của ông Vương Văn G nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Phương H8, bà Điền Kim T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà Hồng, bà Tài đã nộp theo các Biên lai thu số AA/2019/0093393, AA/2019/0093392 cùng ngày 29/12/2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Hồng, bà Tài đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm, không C kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồ Tâm Tú